

Bản án số: 294/2023/DS-ST
Ngày 29 - 11 - 2023
V/v tranh chấp hui và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiên.

Ông Hồ Thanh Phong.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 615/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “tranh chấp hui và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 369/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Trần Thanh N, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Như Y, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Huỳnh Thị Đ. Địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Phạm Văn P. Địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông N, bà Y trình bày:

Ông, bà làm đầu thảo hui để huy động hùn vốn giữa các thành viên tham gia hui nhằm giúp đỡ vốn làm ăn, phát triển kinh tế hộ gia đình, ông P, bà Đ có tham gia 02 dây hui do ông bà làm chủ hui nhưng sau khi hốt hui được một thời gian thì ông P, bà Đ không đóng hui chết cho ông bà cụ thể:

Dây hui 2.000.000 đồng ngày 25/01/2020 âm lịch, gồm 25 chung, mỗi tháng

khui 01 lần, ông P, bà Đ tham gia 01 chung, hót ngày 06/3/2020 âm lịch, bỏ 560.000đ, số tiền hót được 33.920.000đ, ông P, bà Đ đóng được 14 lần, đến ngày 25/02/2021 âm lịch thì ngưng đóng đến nay còn 11 lần x 2.000.000đ x 01 chung = 22.000.000 đồng.

Dây hui 2.000.000 đồng ngày 05/8/2020 âm lịch, gồm 27 chung, mỗi tháng khai 01 lần, ông P, bà Đ tham gia 01 chung, hót ngày 05/11/2020 âm lịch, bỏ 560.000đ, số tiền hót được 37.920.000đ, ông P, bà Đ đóng được 27 lần, đến ngày 25/02/2021 âm lịch thì ngưng đóng đến nay còn 20 lần x 2.000.000đ x 01 chung = 40.000.000 đồng. Tổng số tiền hui là 62.000.000 đồng.

Ngoài ra ông P, bà Đ còn vay tiền của ông bà cụ thể như sau:

Ngày 20/4/2020 âm lịch ông P, bà Đ có mượn ông 20.000.000 đồng.

Ngày 11/5/2020 âm lịch ông P, bà Đ có mượn ông 20.000.000 đồng.

Ngày 24/6/2020 âm lịch ông P, bà Đ có mượn ông 30.000.000 đồng.

Tổng số tiền vay là 70.000.000 đồng.

Nay ông bà yêu cầu ông P, bà Đ trả cho ông bà số tiền 132.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 20.000.000 đồng ngày 20/4/2020, yêu cầu bị đơn trả số tiền là 112.000.000 đồng.

Đối với bị đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông P, bà Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hui và vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 20.000.000 đồng vào ngày 20/4/2020, xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện, được chấp nhận, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với số tiền 20.000.000 đồng mà nguyên đơn rút yêu cầu theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tiền hui: Theo danh sách hui ngày 05/8/2020 âm lịch, ngày 25/01/2020 âm lịch và giấy giao hui ngày 06/3/2020 thể hiện bị đơn có tham gia 02 chung hui, loại hui 2.000.000 đồng do nguyên đơn làm chủ hui.

Theo nguyên đơn xác định, sau khi hót hui thì bị đơn không đóng tiền hui chót đầy đủ và hiện còn nợ số tiền ở dây hui ngày 05/8/2020 âm lịch là 40.000.000 đồng tương đương với 20 kỳ, dây hui 21/01/2020 âm lịch là 22.000.000 đồng tương đương với 11 kỳ, tổng số tiền hui là 62.000.000 đồng.

Về tiền vay: Theo văn bản nợ do nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 11/5/2020

bị đơn vay của nguyên đơn 20.000.000 đồng, ngày 24/6/2020 bị đơn vay 30.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 50.000.000 đồng.

Đối với bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 112.000.000 đồng, trong đó tiền hui là 62.000.000 đồng, tiền vay là 50.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu là: 5.600.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu, được nhận lại toàn bộ số tiền đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh N và bà Nguyễn Thị Như Y. Buộc ông Phạm Văn P và bà Huỳnh Thị Đ liên đới trả cho ông N và bà Y số tiền 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh N và bà Nguyễn Thị Như Y đối với yêu cầu ông Phạm Văn P và bà Huỳnh Thị Đ trả số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông N và bà Y không phải chịu, hoàn trả lại cho ông N và bà Y 3.300.000 đồng (Ba triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000536 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Ông Phạm Văn P và bà Huỳnh Thị Đ phải chịu 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng), (chưa nộp).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

